

## **THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ GÓI DỊCH VỤ**

### **“Quảng cáo Google Adwords giai đoạn từ ngày 15/05/2018-14/05/2019”**

Tổng công ty Hàng Không Việt Nam – CTCP triển khai gói chào giá:  
“Quảng cáo Google Adwords giai đoạn từ ngày 15/05/2018-14/05/2019” như sau:

| Stt | Tên gói hàng hóa                                                       | Hình thức lựa chọn<br>nhà cung cấp | Hình thức đảm bảo<br>chào giá |
|-----|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|
| 1   | Quảng cáo Google<br>Adwords giai đoạn từ ngày<br>15/05/2018-14/05/2019 | Chào giá                           | Không có                      |

Kế hoạch phát hành Hồ sơ yêu cầu của các gói hàng hóa: từ 10/05/2018 đến 10h00 ngày 17/05/2018.

Hồ sơ yêu cầu được gửi tới các đối tác, nhà cung cấp bằng hình thức giao nhận trực tiếp hoặc gửi qua email, fax...

Để biết thêm thông tin chi tiết, các đối tác, nhà cung cấp có quan tâm đến việc tham gia chào hàng nói trên xin liên hệ với Tổng công ty Hàng Không Việt Nam – CTCP theo địa chỉ:

Ban Tiếp thị và Bán sản phẩm

Tổng công ty Hàng Không Việt Nam – CTCP

Số 200- phố Nguyễn Sơn, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84-24)38732732 ext 2933

Email: [dongnd@vietnamairlines.com](mailto:dongnd@vietnamairlines.com)

## **1. YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA/DỊCH VỤ**

### **1.1 Nội dung, danh mục hàng hóa/dịch vụ:**

#### **1.1.1. Tên gói hành hóa/dịch vụ:**

Quảng cáo Google Adwords từ 15/05/2018 đến 14/05/2019.

#### **1.1.2. Danh mục hàng hóa/dịch vụ:**

Mua phương tiện quảng cáo trên Internet: quảng cáo Google Adwords tại 16 thị trường: Việt Nam, Thái Lan, Singapore, Malaysia, Indonesia, Lào, Cambodia, Úc, Pháp, Anh, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Mỹ.

1.2 Yêu cầu, tiêu chuẩn hàng hóa/dịch vụ: theo Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật quy định tại Mục 4.2 HSYC.

## **2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH NHÀ CUNG CẤP**

2.1 Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động phù hợp, hợp pháp được cấp theo quy định của pháp luật.

2.2 Có bản cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với Tổng công ty Hàng không Việt Nam– CTCP.

2.3 Có bản cam kết không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Luật Đấu thầu.

## **3. YÊU CẦU CHÀO GIÁ**

3.1 Giá chào là giá do nhà cung ứng dịch vụ nêu trong đơn chào giá sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá chào phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói dịch vụ trên cơ sở yêu cầu của hồ sơ chào giá. Giá chào được chào bằng Việt Nam đồng (VND).

3.2 Trường hợp nhà cung ứng dịch vụ có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDX thì nhà cung ứng dịch vụ phải thông báo cho bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp HSDX hoặc phải có bảng kê thành phần HSDX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá đối với từng loại dịch vụ cụ thể nêu trong biểu giá chào bằng giá trị tuyệt đối. Trường hợp không nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả các loại dịch vụ nêu trong biểu giá chào.

3.3 Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 3, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung ứng dịch vụ.

### **3.4 Thời gian có hiệu lực của HSDX**

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 90 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX quy định tại mục 3.5 Điểm b.

### **3.5 Chuẩn bị và nộp HSDX**

a. HSDX do nhà cung ứng dịch vụ chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào giá, biểu giá chào,

thư giảm giá (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của nhà cung ứng dịch vụ ký và đóng dấu. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn chào giá) ở bên cạnh và được đóng dấu.

- b. HSDX của nhà cung ứng dịch vụ phải được đựng trong túi niêm phong. Nhà cung ứng dịch vụ nộp HSDX đến bên mời chào giá bằng cách gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện, thư điện tử nhưng phải đảm bảo bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX là 10 giờ 00 (giờ Việt Nam), ngày 17 tháng 05 năm 2018. HSDX của nhà cung ứng dịch vụ gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.
- c. HSDX phải được gửi đến địa chỉ sau:

Ban Tiếp thị và bán sản phẩm

Tổng công ty hàng không Việt Nam-CTCP

Số 200 Nguyễn Sơn – Quận Long Biên – Tp. Hà Nội – Việt Nam.

Người liên hệ: Ông Nguyễn Đăng Đông

Tel: (+84) 24 38732732 - Ext 2933

Fax: (84) 24 38273773

Email: [dongnd@vietnamairlines.com](mailto:dongnd@vietnamairlines.com)

### 3.6 Phương thức thanh toán:

Bên mời chào giá sẽ thanh toán trả sau định kỳ, giá trị thanh toán: tối đa 70% giá trị dịch vụ đã hoàn thành trong kỳ (Trong trường hợp hoàn thành cam kết giá trị thanh toán tối đa = 70% X Số click cam kết X Đơn giá hợp đồng. Trong trường hợp không hoàn thành cam kết giá trị thanh toán tối đa = 70% X Số click thực tế thực hiện X Đơn giá hợp đồng), 30% còn lại sẽ được thanh toán khi hai bên nghiệm thu, thanh toán hợp đồng.

## 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

### 4.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                 | Yêu cầu của VNA | Đánh giá |           |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|-----------|
|     |                                                                                                                                                                                          |                 | Đạt      | Không đạt |
| 1   | Bản sao có công chứng giấy phép đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh phù hợp                                                                                                      | Có cung cấp     | Có       | Không có  |
| 2   | Bản sao hệ thống chứng chỉ chuyên môn của Google liên quan đến dịch vụ quảng cáo Google Adwords                                                                                          | Có cung cấp     | Có       | Không có  |
| 3   | Bản sao chứng nhận Google Certified partner/ Google Premier SMB partner                                                                                                                  | Có cung cấp     | Có       | Không có  |
| 4   | Bản kê các hợp đồng cung cấp dịch vụ quảng cáo Google Adwords do nhà cung ứng thực hiện trong 02 (hai) năm gần nhất, bao gồm:<br>- Hợp đồng quảng cáo Google Adwords tại thị trường Việt | Có cung cấp     | Có       | Không có  |

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                        | Yêu cầu của VNA | Đánh giá                                |                                                       |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                 |                 | Đạt                                     | Không đạt                                             |
|     | Nam<br>- Hợp đồng quảng cáo Google Adwords tại thị trường nước ngoài.<br>- Hợp đồng quảng cáo/dịch vụ cho đối tác hoạt động trong ngành hàng không hoặc du lịch<br>- Có tối thiểu 50% số lượng thị trường VNA yêu cầu quảng cáo |                 |                                         |                                                       |
| 5   | Bản sao hóa đơn cho hợp đồng liệt kê tại Mục 4.                                                                                                                                                                                 | Có cung cấp     | Có                                      | Không có                                              |
| 6   | Bản sao báo cáo tài chính 02 (hai) năm gần nhất                                                                                                                                                                                 | Có cung cấp     | Có                                      | Không có                                              |
| 7   | Bản giới thiệu nhân sự thực hiện chiến dịch cho VNA theo các tiêu chí sau: số lượng, năm kinh nghiệm, chứng chỉ cá nhân đạt được.                                                                                               | Có cung cấp     | Có                                      | Không có                                              |
|     | <b>KẾT LUẬN</b>                                                                                                                                                                                                                 |                 | <b>Đáp ứng tất cả các nội dung trên</b> | <b>Không đáp ứng một hoặc nhiều nội dung nêu trên</b> |

#### 4.2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

| STT | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                     | Yêu cầu của VNA                                                     | Đánh giá |           |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
|     |                                                                                                                                                      |                                                                     | Đạt      | Không đạt |
| 1   | Vị trí hiển thị quảng cáo trung bình:<br>Việt Nam: từ 3 trở lên<br>Các thị trường còn lại: từ 4 trở lên                                              | Có bản cam kết đáp ứng yêu cầu vị trí hiển thị quảng cáo trung bình | Có       | Không có  |
| 2   | Ngôn ngữ quảng cáo:<br>Việt Nam: tiếng Anh, tiếng Việt<br>Thái Lan: tiếng Anh<br>Singapore: tiếng Anh<br>Malaysia: tiếng Anh<br>Indonesia: tiếng Anh | Có bản cam kết quảng cáo theo đúng ngôn ngữ                         | Có       | Không có  |

| STT | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Yêu cầu của VNA                                                | Đánh giá                                |                                                       |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                | Đạt                                     | Không đạt                                             |
|     | Lào: tiếng Anh<br>Cambodia: tiếng Anh<br>Úc: Tiếng Anh<br>Pháp: tiếng Anh, tiếng Pháp<br>Anh: tiếng Anh<br>Đức: tiếng Anh, tiếng Đức<br>Nhật: tiếng Anh, tiếng Nhật<br>Hong Kông: tiếng Anh, tiếng Trung<br>Đài Loan: tiếng Anh, tiếng Trung<br>Hàn Quốc: tiếng Anh, tiếng Hàn<br>Mỹ: tiếng Anh                                                                                                                                                                                      |                                                                |                                         |                                                       |
| 3   | Bản cam kết mỗi thị trường sẽ tạo 01 account quảng cáo (16 thị trường sẽ có 16 account) và 16 account này sẽ được gộp chung vào 1 MCC dành riêng cho chiến dịch quảng cáo của bên mời chào giá.                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Có cung cấp                                                    | Có                                      | Không có                                              |
| 4   | Bản cam kết sẽ bàn giao toàn bộ MCC và account quảng cáo cho bên mời chào giá sau khi kết thúc hợp đồng (trong trường hợp Nhà cung cấp trúng gói chào giá).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Có cung cấp                                                    | Có                                      | Không có                                              |
| 5   | VNA sẽ thanh toán trả sau định kì, giá trị thanh toán: tối đa 70% giá trị dịch vụ đã hoàn thành trong kì (Trong trường hợp hoàn thành cam kết giá trị thanh toán tối đa = $70\% \times \text{Số click cam kết} \times \text{Đơn giá hợp đồng}$ . Trong trường hợp không hoàn thành cam kết giá trị thanh toán tối đa = $70\% \times \text{Số click thực tế thực hiện} \times \text{Đơn giá hợp đồng}$ ), 30% còn lại sẽ được thanh toán khi hai bên nghiệm thu, thanh toán hợp đồng. | Có bản cam kết đáp ứng yêu cầu về điều kiện thanh toán của VNA | Có                                      | Không có                                              |
|     | <b>KẾT LUẬN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                | <b>Đáp ứng tất cả các nội dung trên</b> | <b>Không đáp ứng một hoặc nhiều nội dung nêu trên</b> |

## 5. CÁC YÊU CẦU KHÁC

### 5.1 Các quy định về chuẩn bị HSDX và nộp HSDX

#### 5.1.1. Nội dung của HSDX

- Hồ sơ đề xuất (HSDX) cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung ứng liên quan đến việc chào giá phải được viết bằng tiếng

Việt.

- b. HSDX do nhà cung ứng dịch vụ chuẩn bị bao gồm các nội dung sau:
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ và năng lực kinh nghiệm của nhà cung ứng dịch vụ:
  - + Bản sao có công chứng giấy phép đăng ký kinh doanh.
  - + Bản sao báo cáo tài chính năm 02 (hai) năm gần nhất.
  - + Bản sao hệ thống chứng chỉ chuyên môn của Google liên quan đến dịch vụ quảng cáo Google Adwords.
  - + Bản sao chứng nhận Google Certified partner/ Google Premier SMB partner.
  - + Bản kê các hợp đồng cung cấp dịch vụ quảng cáo Google Adwords do nhà cung ứng thực hiện trong 02 (hai) năm gần nhất, bao gồm:
    - ✓ Hợp đồng quảng cáo Google Adwords tại thị trường Việt Nam.
    - ✓ Hợp đồng quảng cáo Google Adwords tại thị trường nước ngoài.
    - ✓ Hợp đồng quảng cáo/dịch vụ cho đối tác hoạt động trong ngành hàng không hoặc du lịch.
    - ✓ Có tối thiểu 50% số lượng thị trường VNA yêu cầu quảng cáo
  - + Bản sao hóa đơn cho hợp đồng tương tự đã liệt kê.
  - + Bản giới thiệu nhân sự thực hiện chiến dịch cho VNA theo các tiêu chí sau: số lượng, năm kinh nghiệm, chứng chỉ cá nhân đạt được.
    - Đơn chào giá: Mẫu số 1.
    - Giấy ủy quyền: Mẫu số 2.
    - Biểu giá chào: Mẫu số 3.
    - Bảng kê các hợp đồng tương tự: Mẫu số 4.

Số lượng HSDX phải nộp: 01 (một) bản gốc.

## **5.2. Làm rõ HSDX**

- a. Trong quá trình đánh giá HSDX, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung ứng dịch vụ làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSDX thiếu tài liệu theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá chào.
- b. Việc làm rõ HSDX được thực hiện giữa bên mời chào giá và nhà cung ứng dịch vụ có HSDX cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (bên mời chào giá mời nhà cung ứng dịch vụ đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời chào giá gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà cung ứng dịch vụ phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của nhà cung ứng dịch vụ. Nội dung làm rõ HSDX thể hiện bằng văn bản được bên mời chào giá bảo quản như một phần của HSDX. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời chào giá không

nhận được văn bản làm rõ hoặc nhà cung ứng dịch vụ có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời chào giá thì bên mời chào giá xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

### **5.3. Đánh giá các HSDX**

Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo trình tự như sau:

a. Kiểm tra tư cách nhà cung cấp, bao gồm:

- Tư cách hợp lệ của nhà cung ứng theo quy định tại Điều 4.1;
- Thời gian nộp hồ sơ đề xuất;
- Chữ ký hợp lệ trong các tài liệu như đơn chào giá, biểu giá chào, thư uỷ quyền (nếu có);
- Hiệu lực của HSDX theo quy định tại Điều 3.4.

b. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm nhà cung cấp

Hồ sơ chỉ được đánh giá là Đạt nếu Đạt tất cả các yêu cầu đưa ra tại Điều 4.1.

c. Đánh giá về yêu cầu kỹ thuật hàng hóa, dịch vụ:

Bên mời chào giá tiến hành đánh giá về mặt kỹ thuật các HSDX đã vượt qua bước đánh giá sơ bộ trên cơ sở các yêu cầu của HSDX được nêu tại Điều 4.2. Việc đánh giá các yêu cầu kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” được nêu tại Điều 4.2. Hồ sơ chỉ được đánh giá là đạt nếu đạt tất cả các yêu cầu về kỹ thuật.

d. Đánh giá theo giá chào:

a) Bên mời chào giá xác định giá chào sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Luật Đấu thầu và trừ giá trị giảm giá trong Thư giảm giá (nếu có) để tiến hành so sánh. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giá trị giảm giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

b) Trong trường hợp các Nhà cung cấp có giá chào so sánh (giá chào sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giá trị giảm giá) ngang nhau, nhà cung cấp nào có phí khác (kết nối thêm với nhà cung cấp; thay đổi payment gateway) thấp nhất sẽ được lựa chọn.

### **5.4. Điều kiện Nhà cung cấp được lựa chọn**

Nhà cung ứng dịch vụ được đề nghị trúng chào giá khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSDX hợp lệ;
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà cung ứng dịch vụ chính;
- Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong HSYC;
- Có giá chào thấp nhất và không vượt quá giá trị kế hoạch của gói chào giá được phê duyệt. Trong trường hợp có nhiều nhà cung cấp có giá chào bằng nhau, nhà

cung cấp nào có phí khác (kết nối thêm với nhà cung cấp; thay đổi payment gateway) thấp nhất sẽ được lựa chọn.

#### **5.5. Thông báo kết quả chào giá**

Bên mời chào giá thông báo kết quả chào giá bằng văn bản cho tất cả các nhà cung ứng dịch vụ tham gia nộp HSDX sau khi có văn bản phê duyệt kết quả chào giá. Đối với nhà cung ứng dịch vụ trúng chào giá bên mời chào giá sẽ ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

#### **5.6. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng**

Bên mời chào giá tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà cung ứng dịch vụ trúng chào giá để ký kết hợp đồng.

#### **5.7. Kiến nghị trong mời chào giá**

1. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày thông báo kết quả chào giá, nhà cung ứng dịch vụ có quyền kiến nghị về kết quả chào giá và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Trường hợp nhà cung ứng dịch vụ có kiến nghị về kết quả chào giá gửi người có thẩm quyền về giải quyết kiến nghị, đơn kiến nghị gửi đến địa chỉ:

**BAN TIẾP THỊ VÀ BÁN SẢN PHẨM**

**TÔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

**SỐ 200 NGUYỄN SƠN – QUẬN LONG BIÊN – HÀ NỘI – VIỆT NAM**

#### **5.8. Các biểu mẫu**

- Đơn chào giá.
- Giấy ủy quyền.
- Biểu giá chào.
- Bảng kê các hợp đồng tương tự.



**Mẫu số 01**

**ĐƠN CHÀO GIÁ**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

(sau đây gọi là bên mời chào giá)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [*Ghi tên Công ty*], cam kết thực hiện gói chào giá \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói chào giá*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian 90 ngày, kể từ \_\_\_\_ giờ, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [*Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá*].

**Đại diện hợp pháp của nhà cung ứng dịch vụ<sup>(1)</sup>**

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung ứng ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà cung ứng dịch vụ trúng giá phải trình bên mời chào giá bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà cung ứng dịch vụ bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu.

**GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung ứng*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà nhà cung ứng*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của nhà nhà cung ứng*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá gói dịch vụ [*Ghi tên gói dịch vụ*] do \_\_\_\_ [*Ghi tên bên mời chào giá*] tổ chức:

*[- Ký đơn chào giá;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham gia chào giá, kể cả văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ chào giá;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký kết hợp đồng với bên mời chào giá nếu trúng giá.] <sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà nhà cung ứng*]. \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà nhà cung ứng*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

**Người ủy quyền**

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà  
cung ứng, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào giá theo quy định. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung ứng cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung ứng để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung ứng thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung ứng hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

**Mẫu số 03**

**BIỂU GIÁ CHÀO**

| <b>STT</b>  | <b>Thị trường</b> | <b>Thời gian quảng cáo</b> | <b>Số lượng mua kế hoạch (Click)</b> | <b>Đơn giá, gồm VAT (VND)</b> | <b>Thành tiền, gồm VAT (VND)</b> |
|-------------|-------------------|----------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|
| 1           | Việt Nam          | 12 tháng                   | 8.021.376                            |                               |                                  |
| 2           | Thái Lan          | 12 tháng                   | 274.524                              |                               |                                  |
| 3           | Singapore         | 12 tháng                   | 89.460                               |                               |                                  |
| 4           | Malaysia          | 12 tháng                   | 94.428                               |                               |                                  |
| 5           | Indonesia         | 12 tháng                   | 37.368                               |                               |                                  |
| 6           | Lào               | 12 tháng                   | 29.280                               |                               |                                  |
| 7           | Cambodia          | 12 tháng                   | 72.528                               |                               |                                  |
| 8           | Úc                | 12 tháng                   | 216.444                              |                               |                                  |
| 9           | Pháp              | 12 tháng                   | 101.244                              |                               |                                  |
| 10          | Anh               | 12 tháng                   | 93.554                               |                               |                                  |
| 11          | Đức               | 12 tháng                   | 103.440                              |                               |                                  |
| 12          | Nhật              | 12 tháng                   | 144.588                              |                               |                                  |
| 13          | Hồng Kông         | 12 tháng                   | 81.156                               |                               |                                  |
| 14          | Đài Loan          | 12 tháng                   | 70.236                               |                               |                                  |
| 15          | Hàn Quốc          | 12 tháng                   | 37.440                               |                               |                                  |
| 16          | Mỹ                | 12 tháng                   | 115.920                              |                               |                                  |
| <b>Tổng</b> |                   |                            |                                      |                               |                                  |

**Báo giá trọn gói, bao gồm:**

- Phí tư vấn, thiết kế, biên tập nội dung quảng cáo.
- Phí lựa chọn, tối ưu bộ từ khóa trong suốt thời gian chạy quảng cáo.
- Phí chạy quảng cáo Google Adwords trên website của Google tại các thị trường trên.
- Phí dịch nội dung quảng cáo.
- Phí mở tài khoản theo dõi kết quả quảng cáo.
- Báo cáo kết quả thực hiện chiến dịch quảng cáo (gồm bản chụp màn hình).
- VAT và tất cả các loại thuế, phí phát sinh khác (nếu có).

**Hình thức thanh toán:**

- Chuyển khoản, trả sau.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung ứng dịch vụ**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 04**

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG ỨNG THỰC HIỆN**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Tên nhà cung ứng: \_\_\_\_\_ [Ghi tên đầy đủ của nhà cung ứng]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

|                                        |                                                                                                           |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên khách hàng                         | [Ghi tên khách hàng]                                                                                      |
| Lĩnh vực kinh doanh của khách hàng     | [Ghi ngành nghề kinh doanh của khách hàng]                                                                |
| Thời gian bắt đầu hợp đồng             | [Ghi năm]                                                                                                 |
| Thời gian kết thúc hợp đồng            | [Ghi năm]                                                                                                 |
| Thị trường quảng cáo                   | [Ghi thị trường quảng cáo]                                                                                |
| Địa chỉ:<br>Điện thoại/fax:<br>E-mail: | [Ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của khách hàng]<br>[Ghi số điện thoại, số fax địa chỉ e-mail của khách hàng] |
| Giá trị hợp đồng                       | [Ghi giá trị theo hợp đồng]                                                                               |

**Đại diện hợp pháp của nhà cung ứng**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*